

BƯỚC 2: HỆ THỐNG KIẾN THỨC TỪNG PHẦN

Sau khi đã hướng dẫn học sinh ôn tập, củng cố kiến thức từng tác phẩm hoặc tác giả, ta hướng dẫn các em hệ thống lại những kiến thức cơ bản của các tác phẩm được sáng tác cùng giai đoạn, hoặc cùng đề tài hoặc cùng thể loại... Ví dụ:

- Hệ thống kiến thức cơ bản các tác phẩm thơ hiện đại.
- Hệ thống kiến thức cơ bản các tác phẩm truyện.
- Hệ thống kiến thức cơ bản các văn bản nhật dụng và nghị luận.
- Hệ thống kiến thức về các tác giả
- Hệ thống các luận điểm, luận cứ của các văn bản.
- Tình huống truyện của 5 truyện ngắn trong Ngũ văn 9
- Ý nghĩa nhan đề một số tác phẩm

...

* Phương pháp thực hiện:

- Giáo viên lập biểu mẫu hoặc ra bài tập, hướng dẫn học sinh phương pháp thực hiện và yêu cầu các em về nhà thực hiện.
- Giáo viên kiểm tra, nhận xét và chữa bài tập của học sinh

Ví dụ 1:

TÌNH HUỐNG TRUYỆN CỦA 5 TRUYỆN NGẮN TRONG NGŨ VĂN 9

Truyện ngắn 1: Làng (Kim Lân)

- Nhà văn Kim Lân đã đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống rất gay gắt. Ông Hai vốn rất yêu làng, lúc nào cũng tự hào và khoe khoang về làng của mình với sự giàu có và tinh thần kháng chiến. Nhưng đột nhiên ông nhận được tin từ những người tản cư - làng ông làm việt gian theo Tây.

Tạo tình huống như vậy là cách để nhà văn Kim Lân khắc họa đậm nét lòng yêu làng gắn liền với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của nhân vật nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Truyện ngắn 2: Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)

- Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa có tình huống rất nhẹ nhàng, đơn giản. Câu chuyện chỉ xoay quanh cuộc gặp gỡ tình cờ của nhân vật anh Thanh niên với ông họa sĩ già và cô kỹ sư trẻ diễn ra trong vòng ba mươi phút trên đỉnh núi Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét, là nơi anh sống và làm việc. Cuộc gặp gỡ bất ngờ nhưng đã để lại trong lòng mỗi nhân vật những ấn tượng sâu sắc về lí tưởng và mục đích sống.

Cách tạo tình huống như vậy nhà văn Nguyễn Thành Long muốn làm nổi bật hình ảnh nhân vật anh thanh niên nói riêng và những con người đang lao động âm

thầm lặng lẽ, đầy trách nhiệm để cống hiến hết mình cho đất nước, cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc những năm 70 của thế kỷ XX nói chung.

Truyện ngắn 3: Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)

- Tình huống của truyện ngắn Chiếc lược ngà thật éo le. Anh Sáu sau tám năm xa nhà đi kháng chiến, chuyển nghỉ phép thăm quê trước khi chuyển đơn vị này với anh thật ý nghĩa bởi anh sẽ được gặp con - đứa con gái duy nhất anh chưa từng gặp mặt. Nhưng trong những ngày nghỉ phép, dù cố tình gần gũi, thân thiện và yêu thương con nhưng bé Thu lại cương quyết không nhận anh là cha. Đến tận khi anh chia tay gia đình để lên đường cũng là lúc bé Thu mới nhận anh là cha.

- Ở chiến khu lúc nào anh cũng nhớ về con, anh dồn hết tâm lực vào việc tạo ra cây lược ngà để tặng con. Nhưng anh chưa kịp trao chiếc lược cho con thì anh đã hy sinh.

Tạo tình huống như vậy, Nguyễn Quang Sáng muốn ca ngợi tình cảm cha con sâu nặng của anh Sáu và bé Thu trong hoàn cảnh éo le, vừa là lời lên án tố cáo tội ác của chiến tranh đã gây ra cho bao gia đình Việt Nam.

Truyện ngắn 4: Bến quê (Nguyễn Minh Châu)

- Tình huống của truyện ngắn đầy trở trêu và nghịch lí: Công việc của Nhĩ đã tạo điều kiện cho anh đi khắp nơi trên trái đất. Nhưng về cuối đời, anh mắc phải một căn bệnh quái ác - liệt toàn thân. Bệnh tật đã hành hạ anh hàng năm trời, tất cả mọi sinh hoạt của anh đều phải nhờ vào vợ con và những đứa trẻ hàng xóm. Nằm trên giường bệnh, qua ô cửa sổ nhà mình, Nhĩ đã nhận ra được vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông quê anh, nhận ra được gia đình là chỗ dựa chính của cuộc đời mỗi con người. Anh nảy ra một khao khát được đặt chân sang bãi bồi bên kia sông, nhưng anh không thể thực hiện được. Anh đã nhờ Tuấn - con trai anh sang thực hiện thay mình. Nhưng đứa con không hiểu tâm nguyện của bố và đã để lỡ chuyến đi duy nhất trong ngày.

Truyện ngắn 5: Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê)

- Ba nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Họ là những nữ thanh niên còn rất trẻ nhưng nhiệm vụ và công việc của họ lại vô cùng gian khổ và nguy hiểm. Đó là theo dõi máy bay địch ném bom, đo đếm khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, san lấp mặt đường và phá bom nổ chậm. Công việc của họ thật khó khăn gian khổ và luôn phải đối mặt với cái chết.

Việc tạo tình huống như trên nhà văn Lê Minh Khuê muốn ca ngợi tâm hồn hồn nhiên trong sáng đầy mơ mộng và lòng dũng cảm, tinh thần đoàn kết, tình đồng chí đồng đội của người lính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ví dụ 2: Ý NGHĨA NHAN ĐỀ CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN

Văn bản 1: Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái)

Ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê.

Văn bản 2: Vũ trung tùy bút (Phạm Đình Hồ)

Ghi chép trong những ngày mưa.

Văn bản 3: Truyền kì mạn lục (Nguyễn Dữ)

Ghi chép tản mạn những chuyện li kì trong dân gian.

Văn bản 4: Đoạn trường tân thanh (Nguyễn Du)

Tiếng kêu mới đứt ruột

Văn bản 5: Đồng chí (Chính Hữu)

Đồng chí: Những người có cùng chí hướng, lí tưởng - đây được coi là tên gọi của một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến.

Tình đồng chí là cốt lõi, là bản chất sâu xa của sự gắn bó giữa những người lính cách mạng. Tình đồng chí đã giúp người lính vượt lên trên mọi hủy diệt của chiến tranh, bom đạn quân thù.

Văn bản 6: Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật)

Nhan đề dài tưởng như có chỗ thừa, nhưng lại thu hút người đọc ở cái vẻ lạ, độc đáo của nó. Nhan đề bài thơ đã làm nổi bật một hình ảnh rất độc đáo của toàn bài và đó là hình ảnh hiếm gặp trong thơ - hình ảnh *những chiếc xe không kính*.

Vẻ khác lạ còn ở hai chữ “*Bài thơ*” như sự khẳng định chất thơ của hiện thực, của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm, vượt lên nhiều thiếu thốn, hiểm nguy của chiến tranh. Hai chữ “*Bài thơ*” cho thấy rõ hơn cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả, không phải chỉ viết về những chiếc xe không kính hay hiện thực khốc liệt của chiến tranh mà ông còn muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang dũng cảm, trẻ trung, vượt lên trên thiếu thốn, gian khổ, hiểm nguy của chiến tranh.

Văn bản 7: Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)

Tên bài thơ là một sáng tạo độc đáo, một phát hiện mới mẻ của nhà thơ (*nhà thơ đã biến cái vô hình thành cái hữu hình, thành một hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa tượng trưng*). Nó thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, giữa cái cá nhân và cái cộng đồng. *Mùa xuân nho nhỏ* còn thể hiện nguyện ước chân thành của Thanh Hải, ông muốn sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình, muốn được cống hiến những gì tinh túy nhất, tốt đẹp nhất của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước.

Văn bản 8: Làng (Kim Lân)

(*Tại sao Kim Lân lại đặt tên cho văn bản của mình là "Làng" chứ không phải là Làng chợ Dầu hoặc "Làng tôi"?*)

Kim Lân đặt tên “Làng” mà không phải là “Làng chợ Dầu” vì “làng chợ Dầu” chỉ là tên gọi riêng của một làng còn “Làng” là danh từ chung chỉ mọi làng quê Việt Nam. Bởi vậy, nếu nhan đề là “Làng chợ Dầu” thì vấn đề tác giả đề cập tới chỉ nằm trong phạm vi nhỏ hẹp của một làng cụ thể. Đặt tên là “Làng” vì truyện đã khai thác một tình cảm bao trùm, phổ biến của người nông dân Việt Nam thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp: Tình yêu làng quê gắn liền với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến. Như thế, ý nghĩa của tác phẩm sẽ lớn hơn rất nhiều.

Văn bản 9: Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)

Lặng lẽ Sa Pa, đó chỉ là cái vẻ lặng lẽ bên ngoài của một nơi ít người đến, nhưng thực ra nó lại không lặng lẽ chút nào, bởi đằng sau cái vẻ lặng lẽ của Sa Pa là cuộc sống sôi nổi của những con người đầy trách nhiệm đối với công việc, đối với đất nước, với mọi người mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng một mình trên đỉnh núi cao. Trong cái không khí lặng im của Sa Pa. Sa Pa mà nhắc tới người ta chỉ nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi lại có những con người ngày đêm lao động hăng say, miệt mài lặng lẽ, âm thầm, cống hiến cho đất nước.

Văn bản 10: Ánh Trăng (Nguyễn Duy)

Ánh trăng là tiếng lòng, là suy ngẫm riêng của nhà thơ và nó cũng là lời nhắc nhở, cảnh tỉnh lương tâm mỗi người. Ánh trăng không chỉ là hình ảnh của đất trời, thiên nhiên mà còn là hình ảnh của quá khứ, nghĩa tình.

Nhan đề bài thơ gợi nên vấn đề của mọi người, mọi thời, đó là lời tự nhắc nhở, tự thẩm thía về thái độ, tình cảm đối với quá khứ gian lao, tình nghĩa, đối với thiên nhiên đất nước bình dị, đối với những người đã khuất và đối với chính mình, thức tỉnh những góc tối trong lương tâm mỗi người về nghĩa tình thủy chung với quá khứ, với những năm tháng gian lao nhưng rất hào hùng của cuộc đời người lính.

Văn bản 11: Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê)

Nhan đề Những ngôi sao xa xôi mang ý nghĩa ẩn dụ. Hình ảnh những ngôi sao gọi liên tưởng về những tâm hồn hồn nhiên đầy mơ mộng và lãng mạn của những nữ thanh niên xung phong trẻ tuổi chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Những nữ thanh niên xung phong như những ngôi sao xa xôi toả ánh sáng lấp lánh trên bầu trời. Phần cuối truyện ngắn, hình ảnh Những ngôi sao xuất hiện trong cảm xúc hồn nhiên mơ mộng của Phương Định - Ngôi sao trên bầu trời thành phố, ánh điện như những ngôi sao trong xứ sở thần tiên của những câu chuyện cổ tích.

Văn bản 12: Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)

Chiếc lược ngà là kỷ vật của ông Sáu, người cha - người lính để lại cho con trước lúc hy sinh. Với ông Sáu, chiếc lược ngà như phần nào gỡ mối tâm trạng của ông trong những ngày ở chiến khu. Chiếc lược còn là nhân chứng về tội ác chiến tranh, về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt, để lại nhiều ám ảnh bi thương trong lòng người và gợi bao ý nghĩa về sự hy sinh của những thế hệ đi trước đã chiến đấu và hy sinh cho đất nước.

Văn bản 13: Sang thu (Hữu Thỉnh)

Nhan đề bài thơ thể hiện cách lựa chọn khoảnh khắc thời gian, bắc cầu giữa cái không và cái có. Chính cảm giác mơ hồ tinh tế, chuyên chờ cho hồn thu theo cách của mùa thu. Nhạy cảm, nhẹ nhàng vừa lạ vừa quen, nó đánh thức nơi ta những gì da diết nhất. "Sang thu" còn là của đời người - Đời người sang thu (sang tuổi xế chiều) nhiều từng trải, vững vàng hơn trước những biến động của cuộc đời.

Văn bản 14: Bến quê (Hữu Thỉnh)

Bến quê: nhan đề đã thể hiện được sự hấp dẫn không chỉ ở cốt truyện với tình huống trở trêu và nghịch lí mà tác giả còn xây dựng hệ thống yếu tố hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng nhằm diễn đạt những suy ngẫm, những giá trị đích thực. Bến quê là những gì gần gũi, thân thiết nhất, đẹp đẽ nhất, là nơi ta sinh ra, nơi ta lớn lên thành người và cũng là nơi ta nhắm mắt xuôi tay vậy mà nhiều khi ta vô tình lãng quên.

Văn bản 15: Nói với con (Y Phương)

Nói với con: Nhan đề bài thơ khái quát được ý nghĩa của toàn bài thơ, bài thơ đi từ tình cảm gia đình rồi mở ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha để nâng lên lẽ sống. Cảm xúc chủ đề của bài thơ được bộc lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thiết.

Toàn bài thơ là những lời tâm sự, dặn dò, nhắn nhủ vừa nghiêm khắc vừa thấm đẫm tình yêu thương của cha dành cho con. Người cha nói với con về tuổi thơ về con người, về cội nguồn sinh thành nuôi dưỡng con. Từ đó nói với con về lẽ sống

sao cho xứng đáng với tình yêu thương của mẹ cha với truyền thống của quê hương. Nhan đề cũng toát lên sắc thái bình dị gần gũi đời thường. Lời nói bao hàm nhiều chất giọng, nhiều cung bậc cảm xúc thể hiện tình cảm sâu nặng của người cha dành cho con

Ví dụ 3: HỆ THỐNG KIẾN THỨC CƠ BẢN CÁC VĂN BẢN THƠ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

T/P	Tác giả	Hoàn cảnh sáng tác	Nội dung	Nghệ thuật
Đồng chí	Chính Hữu: Tên thật là Trần Đình Đắc (1926 - 2007), quê ở Hà Tĩnh. Ông vừa là nhà thơ, vừa là người lính trực tiếp tham gia kháng chiến chống Pháp. Ông chủ yếu sáng tác về đề tài chiến tranh và người lính cách mạng bằng một giọng thơ giản dị, mộc mạc, giàu chất liệu thực của cuộc sống song cũng không kém phần lãng mạn bay bổng. Tác phẩm chính của ông là tập thơ "Đầu súng trăng treo"	Bài thơ được sáng tác năm 1948 - Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta với muôn vàn khó khăn gian khổ và sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc (Thu đông năm 1947)	Bài thơ đã ca ngợi hình ảnh Anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp với tình đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn.	Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, giàu chất liệu thực. Ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc. Giọng thơ tha thiết, chân thành.
Bài thơ về tiểu đội xe không kính	Phạm Tiến Duật (1941 - 2007), Quê ở Phú Thọ. Ông vừa là nhà thơ vừa là người lính tham gia chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn những năm đánh Mĩ. Thơ ông chủ yếu sáng tác về đề tài chiến tranh và người lính, đặc	Bài thơ được sáng tác năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang trong gian đoạn vụ cụng ỏc liệt, đặng trong chụm thơ đợc tặng giải Nhất cuộc thi thơ	Bài thơ ca ngợi hỡnh ảnh những chiến sĩ lỏi xe trờn tuyền đờng Trường Sơn trong những năm chống Mĩ cứu nước.	Giọng thơ trẻ trung, hồn nhiên, sụi nổi. Hỡnh ảnh, ngụn ngữ thơ giản dị, mộc mạc.

	<p>biệt là những người lính lái xe và những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn bằng một giọng thơ trẻ trung, sôi nổi giàu chất lính</p> <p>Tác phẩm : Thơ một chặng đường; ở hai đầu núi; Vàng trắng quàng lửa ...</p>	<p>Bảo Văn nghệ (1969) và được in trong tập thơ “Vàng trắng quàng lửa”</p>		
<p>Đoàn thuyền đánh cá</p>	<p>Huy Cận, tên thật là Cù Huy Cận. Ông là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới. Ông tham gia cách mạng và sáng tác phục vụ cách mạng từ trước năm 1945. Thơ ông viết nhiều về hình ảnh con người giữa vũ trụ thiên nhiên rộng lớn với giọng thơ thanh thoát, bay bổng.</p> <p>Tác phẩm: Lửa thiêng; Hai bàn tay em; Trời mỗi ngày lại sáng ..</p>	<p>Bài thơ được in trong tập "Trời mỗi ngày lại sáng", sáng tác năm 1958, sau khi Miền bắc được hoàn toàn giải phóng, nhân dân Miền Bắc phấn khởi bước vào công cuộc lao động xây dựng CNXH và trong chuyến tác giả đi thực tế ở vùng biển Quảng Ninh.</p>	<p>Bài thơ ca ngợi cảnh thiên nhiên tráng lệ và không khí lao động khẩn trương sôi nổi của những ngư dân vùng biển trong những năm đầu Miền bắc mới được giải phóng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Âm hưởng thơ khoẻ khoắn sôi nổi, phơi phơi bay bổng. - Cách gieo vần có nhiều biến hoá linh hoạt. - Hình ảnh thơ tráng lệ, trí tưởng tượng phong phú.
<p>Bếp lửa</p>	<p>Bằng Việt, tên thật là Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, ở Huế. Ông là nhà trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Thơ ông nhẹ nhàng, sâu lắng, giàu cảm xúc</p>	<p>Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang sống và học tập tại Liên Xô.</p> <p>Bài thơ được in trong tập "Hương câu - Bếp lửa" -</p>	<p>Bài thơ gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng</p>	<p>Giọng thơ thiết tha triu mến, hình ảnh thơ vừa mang tính cụ thể, vừa có tính</p>

	Tác phẩm: Hương cây bếp lửa; Những gương mặt, những khoảng trời; Khoảng cách giữa lời ...	Tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.	và biết ơn của cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.	khái quát mang ý nghĩa biểu tượng
Nói với con	Y Phương, tên khai sinh là Hứa văn Sước, sinh năm 1948, người dân tộc Tày, quê ở Cao Bằng. Ông từng là người lính tham gia cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi. Tức phẩm: "Người hoa nỳ"(kịch bản sân khấu, 1982), "Tiếng hót thông Giồng"(thơ, 1986), "Lửa hồng một góc"(thơ, 1987), "Núi với con"...	Bài thơ được sáng tác vào những năm tám mươi của thế kỉ hai mươi.	Bài thơ là lời tâm tình của người cha với con về tình cảm gia đình, về truyền thống của quê hương và dân tộc, mong ước con xứng đáng với những truyền thống tốt đẹp đó. Bài thơ còn thể hiện tình yêu thương con tha thiết, chân thành.	Giọng thơ thiết tha, trau mén, hình ảnh thơ cụ thể nhưng mang tính khái quát, mộc mạc nhưng vẫn giàu chất thơ.
Con cò	Chế Lan Viên (1920 - 1989), quê ở Quảng Trị. Ông làm thơ từ khi còn rất trẻ, là một trong những nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ Mới. Từ 1945, ông tham gia cách mạng và sáng tác phục vụ cách mạng. Thơ ông giàu chất suy tưởng, triết lí, mang vẻ đẹp trí tuệ, hình ảnh thơ được sáng tạo bởi ngòi bút thông minh, tài hoa.	Bài thơ được sáng tác vào năm 1962, in trong tập "Hoa ngày thường - Chim báo bão".	Qua việc khai thác và phát triển hình ảnh con cò trong những câu hát ru quen thuộc, tác giả đã ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa lời ru đối với cuộc đời mỗi người.	Bài thơ mang âm hưởng lời ru với giọng suy ngẫm mang tính triết lí, sử dụng hình ảnh mang ý nghĩa biểu trưng mà vẫn gần gũi,

	Tộc phẩm: "Điêu tàn"; "Di cảo" "Hoa ngày thường", "Chim bóa bóa";			quen thuộc.
Viếng lăng Bác	Viễn Phương (1928 - 2005), quê ở An Giang. Ông vừa là nhà thơ, vừa là một chiến sĩ cách mạng tham gia hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc. Thơ ông nhẹ nhàng, sâu lắng, giàu cảm xúc. Tộc phẩm: "Như mỗy mưa xuân" (1978) "Mắt sống học trũ", "Nhớ lời di chỳc"...	Bài thơ được sáng tác năm 1976, sau ngày Miền nam hoàn toàn giải phóng, cũng là năm công trình lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh mới hoàn thành, tác giả từ Miền nam ra viếng lăng bác.	Bài thơ là niềm xúc động chân thành tha thiết, lòng biết ơn, tự hào và niềm thương tiếc vô hạn của tác giả nói riêng, của đồng bào Miền nam nói chung khi vào lăng viếng Bác.	Giọng thơ trang trọng, tha thiết, sâu lắng với nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp, giàu tính biểu tượng vừa gần gũi thân quen, vừa sâu sắc mang giá trị biểu cảm cao.
Mùa xuân nhỏ nhỏ	Thanh Hải (1930 - 1980), quê ở Huế. Ông vừa là nhà thơ vừa là một chiến sĩ cách mạng đã cống hiến cả cuộc đời mình cho đất nước. Thơ ông bình dị, chân thành, lắng đọng để lại những ấn tượng khó quên trong lòng người đọc. Tác phẩm: "Những đồng chí trung kiên" (1962), "Huế mùa xuân", "Dấu võng Trường Sơn" (1977), "Mùa xuân đất này" (1982)	Bài thơ được sáng tác vào tháng 11 năm 1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, cận kề với cái chết và trong khi đất nước đang chuẩn bị bước vào mùa xuân mới với 2 nhiệm vụ cách mạng là vừa xây dựng CNXH, vừa chiến đấu bảo vệ tổ quốc XHCN.	Bài thơ là những cảm xúc chân thành tha thiết của nhà thơ về mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân cách mạng và khát vọng cống hiến cả cuộc đời mình cho đất nước.	Âm hưởng thơ nhẹ nhàng, tha thiết, hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị kết hợp với những hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trung, khái quát.

<p>Sang thu</p>	<p>Hữu Thịnh, tên khai sinh là Nguyễn Hữu Thịnh sinh năm 1942 quê ở Tam Dương - Vĩnh Phúc. ềng là nhà thơ - chiến sĩ viết hay, viết nhiều về con người, cuộc sống nung thụn, về mưa thu. Thơ ụng âm ộp tỡnh người và giàu sức gợi cảm. Nhiều vản thơ thu của Hữu Thịnh mang cảm xỳc bỡng khuỡng vản vương trước đất trời trong trỏo đang biến chuyển nhẹ nhàng. Tỏc phẩm chớnh: Tập thơ "Từ chiến hào đến thành phố"...</p>	<p>Viết vào năm 1977, đợc in lần đầu trên báo Văn nghệ, sau đợc in trong tập thơ "Từ chiến hào đến thành phố"</p>	<p>Bài thơ là những cảm nhận tinh tế về những chuyển biến nhẹ nhàng mà rõ rệt của đất trời từ hạ sang thu, qua đó bộc lộ lòng yêu thiên nhiên gắn bó với quê hương đất nước của tác giả.</p>	<p>- Dùng những từ ngữ độc đáo, cảm nhận tinh tế sâu sắc. - Từ ngữ, hình ảnh gợi nhiều nét đẹp về cảnh về tình.</p>
<p>Ánh trăng</p>	<p>Nguyễn Duy, tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ sinh năm 1948, quê ở Quảng Xá nay là phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá. Ông là nhà thơ quân đội, trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đợc trao giải Nhất cuộc thi thơ Báo Văn nghệ năm 1972-1973. Thơ ông thường giàu chất triết lí, thiên về chiều sâu nội tâm với những trăn trở day dứt suy tư. Tác phẩm chính: Tập thơ "Cát trắng"; "ánh trăng"...</p>	<p>Bài thơ đợc sáng tác năm 1978, ba năm sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, con người đã qua thời đạn bom, sống trong hoà bình. Khi cuộc sống vật chất và tinh thần đầy đủ hơn, người ta có thể vô tình quên đi quá khứ gian khổ, nghĩa tình. Bài thơ đợc in trong tập thơ cùng tên của tác giả.</p>	<p>Bài thơ như một lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước. Qua đó, gợi nhắc con người có thái độ ân nghĩa thủy chung</p>	<p>- Như một câu chuyện riêng có sự kết hợp hài hoà giữa tự sự và trữ tình. - Giọng điệu tâm tình, tự nhiên, hài hoà, sâu lắng. - Nhịp thơ trôi chảy, nhẹ nhàng, thiết tha cảm xúc khi trầm lắng suy tư.</p>